

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Tên gói thầu: Gói thầu số 12: Tư vấn giám sát thi công xây dựng
2. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Vạn Thái - Hoà Nam, huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội
3. Địa điểm thực hiện: Xã Hoà Xá, thành phố Hà Nội
4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Hoà Xá.

5. Thời gian hoàn thành: 550 ngày

6. Quy mô, Giải pháp thiết kế chủ yếu công trình:

6.1 Mục tiêu: Tạo ra tuyến đường giao thông có hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh, kết nối hệ thống hạ tầng giao thông trong khu vực, đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt và đi lại của nhân dân trong vùng, là cơ sở tiên quyết để phát triển sinh hoạt – văn hóa – xã hội và du lịch, dịch vụ của địa phương, đồng thời góp phần an sinh xã hội, tăng cường vững chắc năng lực đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện Ứng Hoà nói riêng và các vùng lân cận nói chung. Giải quyết cơ bản vấn đề môi trường, thoát nước khu dân cư. Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông của huyện Ứng Hoà theo Quy hoạch giao thông đã được phê duyệt.

Góp phần hoàn thiện hạ tầng đảm bảo tiêu chí về đích nông thôn mới nâng cao của xã Vạn Thái, Hòa Nam nay là xã Hoà Xá

6.2 Quy mô dự án:

- Dự án nghiên cứu gồm có 01 tuyến với tổng chiều dài $L=2,846$ km:
- + Điểm đầu dự án Km0+000 nằm trên tuyến Đường giao thông liên xã Vạn Thái - Tảo Dương Văn.
- + Điểm cuối Km2+846,23 giao với đường giao thông xã Hòa Nam (kênh Nam Dương).
- Cấp thiết kế của đường: Đường giao thông cấp IV đồng bằng (TCVN 4054 :2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế).
- Vận tốc thiết kế: 60km/h.
- Kết cấu áo đường: Áo đường mềm, mặt đường bê tông nhựa rải nóng; Trục đơn của ô tô có trọng lượng $P=100$ kN (10 tấn); áp lực tính toán lên mặt đường $p=0,6$ Mpa, đường kính vệt bánh xe $D=33$ cm); Tải trọng thiết kế công: HL93.
- Quy mô mặt cắt ngang:
- + Chiều rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 9,0$ m;

- + Chiều rộng mặt đường: $B_m = 2 \times 3,5m + 2 \times 0,6m$ (lề gia cố) = 8,20m;
- + Chiều rộng lề đường: $B_l = 2 \times 0,4m = 0,8m$
- Trên tuyến các nút giao thông thiết kế giao cùng mức dạng đơn giản.
- Thiết kế hệ thống thoát nước: Cống ngang đường.
- Thiết kế kè xây: Thiết kế kè xây giữ ổn định nền đường tại các vị trí qua ruộng sâu thuộc khu vực công cộng để mở rộng mặt đường và tạo mỹ quan.
- Kết cấu mặt đường Tải trọng trục tính toán tiêu chuẩn: $P = 100kN$ (10 tấn); áp lực tính toán lên mặt đường $p = 0,6Mpa$, đường kính vệt bánh xe $D = 33cm$. Tải trọng thiết kế công trình dưới lòng đường xe chạy: HL93.
- Mô đun đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} \geq 130Mpa$.
- Đối với đường cấp IV, đồng bằng, đường cải tạo nâng cấp có nhiều xe kiến nghị lựa chọn độ tin cậy thiết kế là 0,90 ứng với hệ số cường độ $K_{cd} = 1,10$.
- Thiết kế kết cấu áo đường mềm có loại tầng mặt đường cấp cao A1.
- *Kết cấu áo đường và lề gia cố từ trên xuống dưới như sau:**
- Mặt đường bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12,5) rải nóng dày 5cm. Tuổi dính bám, tiêu chuẩn $0,5kg/m^2$.
- Mặt đường bê tông nhựa chặt hạt thô (BTNC 19) rải nóng dày 7cm. Tuổi thấm bám, tiêu chuẩn $1kg/m^2$.
- Móng đường lớp trên cấp phối đá dăm loại I (kích cỡ 0/25mm) dày 25cm.
- Móng đường lớp dưới cấp phối đá dăm loại II (kích cỡ 0/37,5mm) dày 35cm.
- Lớp nền đường phía trên cùng dày 30cm bằng đất đòi đầm chặt $K \geq 0,98$.
- *Kết cấu vuốt rẽ.**
- Mặt đường bê tông nhựa chặt hạt mịn (BTNC 12,5) rải nóng dày 5cm. Tuổi dính bám, tiêu chuẩn $0,5kg/m^2$.
- Mặt đường bê tông nhựa chặt hạt thô (BTNC 19) rải nóng dày 7cm. Tuổi thấm bám, tiêu chuẩn $1kg/m^2$.
- Móng đường lớp trên CPĐD loại I (kích cỡ 0/25mm) dày 25cm.
- Móng đường lớp dưới CPĐD loại II (kích cỡ 0/37,5mm) dày 35cm.
- Lớp nền đường phía trên cùng dày 30cm bằng đất đòi đầm chặt $K \geq 0,98$
- Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng.
- Hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông gồm biển báo, cọc tiêu và sơn theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN41:2019/BGTVT.
- *Các hạng mục đầu tư xây dựng:** Nền mặt đường, cống thoát nước ngang, rãnh thoát nước, kè xây, điện chiếu sáng và tổ chức giao thông.

| | | |
|----------------|--|---|
| T T | Quy mô dự án được UBND huyện Ứng Hòa phê duyệt tại Quyết định số 2617/QĐ-UBND | Quy mô dự án điều chỉnh được phê duyet (Quyết định số 653/QĐ- UBND ngày 10/4/2026 của UBND |
|----------------|--|---|

| | ngày 17/5/2023 | xã Hoà Xá) |
|---|--|--|
| 1 | Quy mô mặt cắt ngang: $B_{nền} = B_{lề đất} + B_{gia\ c\acute{o}} + B_{m\grave{a}t} + B_{gia\ c\acute{o}} + B_{lề\ \acute{a}t} = 0,4 + 0,6 + 7,0 + 0,6 + 0,4 = 9,0m$ | Quy mô mặt cắt ngang: $B_{nền} = B_{lề\ \acute{a}t} + B_{gia\ c\acute{o}} + B_{m\grave{a}t} + B_{gia\ c\acute{o}} + B_{lề\ \acute{a}t} = 0,5 + 0,5 + 7,0 + 0,5 + 0,5 = 9,0m$ |
| 2 | Kè nền đường: Đỉnh kè đặt vào vị trí lề đường; Tường kè thẳng hướng ra phía ngoài | Kè nền đường: Đỉnh kè đặt bên ngoài mép lề đất; Tường kè nghiêng hướng ra phía ngoài |
| 3 | Tôn hộ lan, cọc tiêu: Tôn hộ lan bố trí hai bên tuyến từ đầu tuyến Km0+0.00 đến cuối tuyến Km2+801.16 | <ul style="list-style-type: none"> - Tôn hộ lan bố trí hai bên tuyến các vị trí nền đắp có chiều cao $H > 2m$: <ul style="list-style-type: none"> + Bên trái tuyến đoạn từ đầu tuyến Km0+00.0 đến Km1+600.00). + Bên phải tuyến đoạn từ đầu tuyến đến Km0+977.82. - Cọc tiêu bố trí hai bên tuyến tại các vị trí có chiều cao nền đắp $H \leq 2m$: <ul style="list-style-type: none"> + Bên trái tuyến từ Km1+600.00 đến cuối tuyến Km2+817.07. + Bên phải tuyến từ Km0+977.82 đến cuối tuyến Km2+811.05. |

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hợp đồng theo ngày/tuần/tháng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.

| STT | Hạng mục công trình | Ngày bắt đầu | Ngày hoàn thành |
|-----|--|------------------------------|---------------------------------------|
| 1 | Thi công xây dựng toàn bộ phần việc của công trình | Kể từ ngày bàn giao mặt bằng | 550 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng |

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

Yêu cầu về mặt kỹ thuật

Bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Các quy định, quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình;
- Các yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;
- Các yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử);
- Các yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt;

- Các yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn;
- Các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ;
- Các yêu cầu về vệ sinh môi trường;
- Các yêu cầu về an toàn lao động;
- Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;
- Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục;
- Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu;

Công trình phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về XDCCB (xây dựng cơ bản). Cán bộ kỹ thuật phải có mặt thường xuyên ở công trình để quản lý, giám sát, kiểm tra, nếu có các vấn đề phát sinh phải báo Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát để cùng tư vấn thiết kế xem xét và có biện pháp xử lý.

Nhà thầu sẽ phải đảm bảo phần công việc của mình theo hồ sơ thiết kế. Giá thầu cho các công việc bao gồm tất cả các chi phí theo quy định của Nhà nước để thực hiện đảm bảo các điều kiện nghiêm ngặt về chất lượng công trình đã được Nhà nước quy định.

1. Quy trình, quy phạm cho việc thi công nghiệm thu công trình

Quy định kỹ thuật này yêu cầu nhà thầu phải thực hiện bắt buộc và là một phần của hợp đồng. Trong trường hợp có những quy định thay thế thì phải thực hiện theo quy định thay thế đó.

Ngoài những chi tiết ghi chú thuyết minh trên bản vẽ hồ sơ thiết kế kỹ thuật, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và trên các văn bản viết, nhà thầu phải tuân thủ các Quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình quy phạm chuyên ngành có liên quan.

Dưới đây chỉ liệt kê một số quy chuẩn, tiêu chuẩn chính:

- Tiêu chuẩn Việt Nam: Mặt đường BT nhựa nóng - yêu cầu thi công và nghiệm thu TCVN 8819:2011.
- Tiêu chuẩn Việt Nam: Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - vật liệu, thi công và nghiệm thu TCVN 8859:2011.
- Tiêu chuẩn Việt Nam: Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô-TC và nghiệm thu TCVN 8858:2011.
- Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu TCVN 9844 : 2013.
- TCVN 7570:2006 Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 6260:2009 Xi măng pooc lăng hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật;
- Tiêu chuẩn TCVN 9436:2012 Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9361 : 2012 “Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu”;
- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9377-1-:-3:2012 “Công tác hoàn thiện trong

xây dựng - Thi công và nghiệm thu”; Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4506 : 2012 “Nước cho bê tông và vữa - yêu cầu kỹ thuật”;

- Quy trình thí nghiệm xác định độ chặt nền móng đường bằng phễu rót cát 22TCN 346 - 2006; Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8864:2011 Mặt đường ô tô - Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m;

- Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thi công TCVN 4252 - 2012;

- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu công tác đất TCVN4447 - 2012;

- Và các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm kỹ thuật hiện hành khác có liên quan.

IV. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

Yêu cầu về mặt kỹ thuật

Bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Các quy định, quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình;
- Các yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;
- Các yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử);
- Các yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt;
- Các yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn;
- Các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ;
- Các yêu cầu về vệ sinh môi trường;
- Các yêu cầu về an toàn lao động;
- Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;
- Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục;
- Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu;

Công trình phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về XDCCB (xây dựng cơ bản). Cán bộ kỹ thuật phải có mặt thường xuyên ở công trình để quản lý, giám sát, kiểm tra, nếu có các vấn đề phát sinh phải báo Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát để cùng tư vấn thiết kế xem xét và có biện pháp xử lý.

Nhà thầu sẽ phải đảm bảo phần công việc của mình theo hồ sơ thiết kế. Giá thầu cho các công việc bao gồm tất cả các chi phí theo quy định của Nhà nước để thực hiện đảm bảo các điều kiện nghiêm ngặt về chất lượng công trình đã được Nhà nước quy định.

V. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Báo cáo nộp trước khi thực hiện gói thầu:

- Kế hoạch thực hiện gói thầu;
- Số chuyên gia tham gia gói thầu;

- Danh sách các chuyên gia, dự kiến thời gian công tác, địa điểm công tác của từng chuyên gia;

- Tiến độ nộp các báo cáo;

- Hình thức thể hiện theo các Biểu mẫu tại Chương III của HSMT này.

- Nhà thầu phải lập các báo cáo trình chủ đầu tư bao gồm báo cáo thường kỳ và báo cáo đột xuất.

1. Báo cáo thường kỳ:

- Thời gian nộp báo cáo thường kỳ: Nhà thầu phải nộp báo cáo thường kỳ cho chủ đầu tư theo thời hạn bắt buộc là 1 tháng/1 báo cáo. Báo cáo phải được nộp vào đầu mỗi tháng, ngày cụ thể do nhà thầu tư vấn đề xuất;

- Nội dung của báo cáo thường kỳ: Báo cáo thường kỳ phải tổng hợp được tình hình thực hiện dự án về tiến độ, chất lượng... phải chỉ rõ các công việc đã thực hiện đúng tiến độ, những công việc chưa đảm bảo tiến độ. Phải chỉ rõ được nguyên nhân và có giải pháp xử lý cho các công việc chưa thực hiện đúng tiến độ.

Báo cáo thường kỳ phải nêu rõ các mốc thời gian quan trọng và trình bày đủ kế hoạch trong kỳ, dự trù kế hoạch của kỳ tiếp theo.

Ngoài báo cáo thường kỳ theo tháng, nhà thầu phải lập các báo cáo theo quý và theo năm sau khi kết thúc quý và năm. Thời gian và nội dung của báo cáo quý, báo cáo năm tương tự như báo cáo tháng.

2. Báo cáo đột xuất:

- Báo cáo đột xuất phải được nhà thầu tư vấn lập và trình chủ đầu tư khi có các sự kiện đột xuất (như các trường hợp sự cố, tổ chức thi công tăng ca kịp để đảm bảo tiến độ, xử lý các trường hợp nhà thầu vi phạm hợp đồng...) hoặc theo yêu cầu của chủ đầu tư. Trường hợp theo yêu cầu của chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ được nêu rõ lý do chính đáng.

- Thời gian nộp báo cáo đột xuất: Trong vòng 03 ngày sau khi xảy ra sự kiện đột xuất hoặc được chủ đầu tư yêu cầu;

- Nội dung báo cáo đột xuất:

Trường hợp xảy ra sự kiện đột xuất: Báo cáo đột xuất phải nêu rõ nguyên nhân và có đề xuất giải pháp để chủ đầu tư căn cứ quyết định;

Trường hợp theo yêu cầu của Chủ đầu tư: Nội dung báo cáo phải đáp ứng các điều kiện cụ thể trong yêu cầu của chủ đầu tư.

Ngoài các báo cáo bắt buộc theo yêu cầu trên nhà thầu có thể đề xuất thêm các sáng kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa về nội dung, thời gian và tiến độ nộp báo cáo để dự án triển khai đạt hiệu quả.

VI. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Yêu cầu về kinh nghiệm và nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí:

1. Đối với Nhà thầu tư vấn Giám sát:

- Có giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Nhà thầu phải có ít nhất 5 người có đủ điều kiện năng lực giám sát thi công xây dựng, có chứng chỉ hành nghề tương đương phù hợp với công việc đảm nhận;

2. Yêu cầu về kinh nghiệm và nhân sự cho từng vị trí tham gia trong gói thầu:

- Giám sát trưởng: 01 người

- Các cán bộ phụ trách giám sát chuyên môn các lĩnh vực kỹ thuật: Giao thông; An toàn lao động; Cấp thoát nước mỗi lĩnh vực tối thiểu một người, có chứng chỉ hành nghề giám sát phù hợp hoặc đã trực tiếp giám sát thi công phần việc chuyên môn.

- Kỹ sư kinh tế xây dựng: Tối thiểu một người, đã tham gia thanh/quyết toán công trình;

VII. Các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ:

Ngay sau khi nhận bàn giao mặt bằng nhà thầu phải:

1 Có nội quy qui định về việc phòng cháy, chữa cháy đặt tại công trình.

2 Bố trí đầy đủ các thiết bị phòng cháy, chữa cháy và phải thường xuyên kiểm tra, bổ sung kịp thời.

3 Có bố trí lực lượng phòng cháy chữa cháy đã qua tập huấn, đảm bảo luôn luôn có mặt kịp thời khi xảy ra sự cố.

VIII. Yêu cầu về vệ sinh môi trường;

Nhà thầu phải thực hiện tất cả các biện pháp phòng ngừa hợp lý nhằm tránh những tác hại đến môi trường sống và môi trường làm việc, gồm:

1 Chuẩn bị các phương tiện vệ sinh công cộng nhằm ngăn ngừa sự ô nhiễm về sinh thái hoặc ô nhiễm về công nghiệp tại hiện trường.

2 Phế thải xây dựng phải được dọn và vận chuyển kịp thời trong thời gian ngắn nhất chống ách tắc cản trở giao thông và môi trường cảnh quan khu vực. Nhà thầu phải tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường, vận chuyển vật liệu và phế thải theo đúng quy định của Thành phố.

3 Có giải pháp để giảm tiếng ồn khi thi công, tuân thủ qui định về mức ồn tối đa cho phép trong công trình xây dựng theo tiêu chuẩn hiện hành.

IX. Yêu cầu về an toàn lao động:

Nhà thầu phải đưa ra trong Hồ sơ dự thầu của mình các biện pháp an toàn lao động trong suốt quá trình thi công và biện pháp khắc phục khi có sự cố xảy ra. Trong đó cần nêu rõ biện pháp an toàn lao động trong từng loại công việc, biện pháp an toàn cho các khu vực có mạng điện nước và các xe, máy của Nhà thầu đi qua.

Nhà thầu phải có các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông cho xe lưu thông qua công trường; các xe ra vào, thi công trên công trường...

X. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công:

Nhà thầu phải có giải pháp huy động nhân lực, máy móc thiết bị thi công để thực hiện gói thầu theo đúng các yêu cầu đề ra trong hồ sơ mời thầu

XI. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể các hạng mục:

Nhà thầu phải có giải pháp thi công tổng thể, bố trí chung mặt bằng thi công trên công trường, giải pháp thi công chi tiết cho các hạng mục công trình.

XII. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của Nhà thầu:

Nhà thầu phải có hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu theo đúng qui định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

Nhà thầu phải bố trí cán bộ giám sát chính trên công trường phụ trách công tác nghiệm thu nội bộ các hạng mục công trình và thực hiện công tác nghiệm thu theo đúng các qui định hiện hành.